ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 122 /2026/QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 796/TTr-SNNMT ngày 24 tháng 8 năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030 là căn cứ để đánh giá thực trạng và mức độ đạt các tiêu chí đối với các xã trên địa bàn thành phố Hà Nội, căn cứ để thẩm định và xét công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, Ủy ban nhân dân các xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030 *(đính kèm Phụ lục).*

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố phụ trách tiêu chí, chỉ tiêu.

a) Căn cứ vào các văn bản của các bộ, cơ quan Trung ương để tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu theo chức năng của ngành, lĩnh vực phụ trách đảm bảo thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế.

b) Thẩm định, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu được giao phụ trách, thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia Thành phố gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (thông qua Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia Thành phố).

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030. Định kỳ 6 tháng và hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố.

b) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan và Ủy ban nhân dân các xã nghiên cứu, rà soát, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, điều chỉnh Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với điều kiện thực tế.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan tham mưu, triển khai thực hiện quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn Thành phố theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân xã

a) Căn cứ Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030 và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương và các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố liên quan chủ động rà soát đánh giá mức độ đạt được đối với các tiêu chí, chỉ tiêu. Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí phù hợp theo lộ trình của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp hàng năm tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

c) Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia Thành phố (thông qua Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia Thành phố).

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 07 tháng 9 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Chỉ đạo TW các CTMTQG;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình MTQG;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQVN TP Hà Nội;
- Ban Tuyên giáo, Dân vận Thành ủy;
- Văn phòng Thành ủy;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG TP;
- Văn phòng Điều phối các CTMTQG TP;
- UBND các xã;
- Cơ quan Báo và PTTH Hà Nội;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- VP UBND TP: các PCVP, các phòng CM, Trung tâm TT, DL&CNS Hà Nội;
- Lưu: VT, NNMT.

(để báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Duy Cường

BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2026-2030

Kèm theo Quyết định số 122 /2026/QĐ-UBND ngày 28 / 8/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	Trường hợp xã có địa giới hành chính nằm hoàn toàn trong phạm vi quy hoạch phát triển đô thị: Có quy hoạch phân khu đô thị được phê duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn Trường hợp xã có một phần hoặc toàn bộ địa giới hành chính nằm ngoài phạm vi quy hoạch phát triển đô thị: Có quy hoạch chung xã, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Có quy hoạch chung xã được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Sở Xây dựng
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Đạt	Đạt	Đạt	
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã.	Đạt	Đạt	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt ≥50%; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Đạt	Đường xã đạt tiêu chuẩn đường đô thị, phù hợp với tốc độ đô thị hoá; tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt ≥50%; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa đạt tỷ lệ 100%	Đường xã đảm bảo kết cấu hạ tầng kỹ thuật, có các hạng mục cần thiết theo quy định; tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt ≥50%; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa đạt tỷ lệ ≥ 90%	Sở Xây dựng
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Đạt	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm; - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ ≥90%; - Có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm; - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ ≥ 80%; - Có áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực đạt tỷ lệ ≥30%;	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai)
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Tốt	Khá	
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	Đạt	≥ 99%	≥ 99%	Sở Công Thương

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.5 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đạt	Có chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định hoặc có siêu thị hạng 3 trở lên	Có chợ đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm hoặc có ít nhất một khu vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ hoặc có siêu thị mini trở lên	Sở Công Thương
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân từ 9,5 - 12%/năm	≥ 10,5%/năm	≥ 9,5%/năm	Thống kê thành phố Hà Nội
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Trồng trọt và BVTV; Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản, Thú y)
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	Đạt	Có ≥ 03 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc có ít nhất 01 mô hình kinh tế xanh hoặc có ít nhất 01 mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả.	Có ≥ 02 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc có ít nhất 01 mô hình kinh tế xanh hoặc có ít nhất 01 mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Trồng trọt và BVTV)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt	- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026-2030. - Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên còn thời hạn, hoặc có ít nhất 02 sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn và có lộ trình cụ thể trong kế hoạch để phát triển ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên; - Tỷ lệ chủ thể là các HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh đạt duy trì bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá	- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026-2030. - Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên còn thời hạn, hoặc có ít nhất 02 sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn và có lộ trình cụ thể trong kế hoạch để phát triển ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên. - Tỷ lệ chủ thể là các HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh đạt duy trì bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá	Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia Thành phố
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Đạt	- 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP. - Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá).	- 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP. - Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá).	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tài chính
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	≥ 01	Không quy định	≥ 70 điểm	Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia Thành phố
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	Đạt	≥ 60%	≥50%	Hội Nông dân Thành phố
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tài chính
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật.	≥ 01	Đạt	Đạt	Sở Tài chính; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phòng Phát triển nông thôn)
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	Đạt	≥ 40%	≥ 35%	Sở Nội vụ
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Đạt	60%	50%	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	Đạt	≤ 1,5%	≤ 3%	Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia Thành phố
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	Đạt	100%	100%	Sở Xây dựng
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Đạt	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥ 80% (trong đó phải có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung)	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥ 70% (trong đó phải có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung)	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phòng Khoáng sản và Tài nguyên nước)
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn "5 không, 3 sạch, 3 an"	Đạt	Đạt	Đạt	Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn xã phải tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn xã phải tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phòng Chất lượng và Phát triển thị trường)
7	Khoa học công nghệ và chuyển đổi số	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trung tâm Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số Nông nghiệp và Môi trường)
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Công Thương
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	Đạt	≥ 02 mô hình	≥ 01 mô hình	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤ 50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phòng Quản lý chất thải rắn)
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	≥ 90%	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Trồng trọt và BVTV; Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản, Thú y)
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phòng Quản lý môi trường)
		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt	- Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp đạt ≥ 50%. - Có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng biện pháp phù hợp	Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp đạt ≥ 50%	Sở Xây dựng

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phòng Quản lý môi trường)
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ
		9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt ≥90%	Đạt	Đạt	Đạt	Trung tâm Phục vụ hành chính công
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tư pháp
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Đạt	Đạt	Công an Thành phố

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		Đơn vị phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt	Công an Thành phố
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Bộ Tư lệnh Thủ đô